

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ
công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm
Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ
quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của
Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và
lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đối với các dịch vụ, cụ thể:

a) Hoạt động tư vấn bao gồm: Tư vấn việc làm, tư vấn chính sách lao động việc làm, tư vấn học nghề.

b) Giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho người lao động bao gồm: Giới thiệu việc làm trong nước, giới thiệu lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

c) Dịch vụ cung ứng lao động bao gồm: Cung ứng lao động trong nước, cung ứng người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Dịch vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động bao gồm: Thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được ủy quyền đặt hàng giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm.

b) Trung tâm dịch vụ việc làm được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Điều 2. Mức giá dịch vụ

1. Mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐƠN GIÁ (đồng/ca)
I	Dịch vụ hoạt động tư vấn	
1	Tư vấn việc làm	
a	Người lao động	62.000
b	Người khuyết tật	77.000
c	Người dân tộc thiểu số	71.000
d	Người sử dụng lao động	93.000
2	Tư vấn chính sách việc làm	
a	Người lao động	59.000
b	Người khuyết tật	73.000
c	Người dân tộc thiểu số	67.000
d	Người sử dụng lao động	87.000
3	Tư vấn học nghề	
a	Người lao động	56.000
b	Người khuyết tật	68.000
c	Người dân tộc thiểu số	63.000
d	Người sử dụng lao động	80.000
II	Dịch vụ giới thiệu việc làm	
1	Giới thiệu việc làm trong nước	
a	Người lao động	120.000
b	Người khuyết tật	157.000
c	Người dân tộc thiểu số	165.000
2	Giới thiệu lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	
a	Người lao động	180.000
b	Người dân tộc thiểu số	262.000

STT	NỘI DUNG	ĐƠN GIÁ (đồng/ca)
III	Dịch vụ cung ứng lao động	
1	Cung ứng lao động trong nước	
a	Người lao động	197.000
b	Người khuyết tật	247.000
c	Người dân tộc thiểu số	257.000
2	Cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	
a	Người lao động	267.000
b	Người dân tộc thiểu số	365.000
IV	Dịch vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động	
1	Thu thập thông tin việc làm trống	
a	Trực tiếp tại Trung tâm	34.000
b	Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm	40.000
c	Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm)	38.000
d	Tại doanh nghiệp	64.000
2	Thu thập thông tin người tìm việc	
a	Trực tiếp tại Trung tâm	29.000
b	Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm	33.000
c	Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm)	31.000
d	Tại hộ gia đình	43.000

2. Mức giá dịch vụ sự nghiệp công nêu trên đã bao gồm: chi phí lao động (xác định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang), chi phí thiết bị, vật tư, năng lượng. Trường hợp có sự thay đổi do Nhà nước ban hành chính sách chế độ tiền lương hoặc giá cả vật tư, vật liệu trên thị trường biến động ảnh hưởng tới đơn giá, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập phương án giá điều chỉnh đơn giá, phối hợp các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Căn cứ giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm quy định tại khoản 1 Điều này, các đơn vị liên quan thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và thanh toán kinh phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phương thức nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm

a) Căn cứ giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm làm cơ sở thực hiện.

b) Giải quyết khiếu nại liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trong phạm vi quản lý. Báo cáo tình hình thực hiện và vướng mắc liên quan đến giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm cho cơ quan chức năng theo quy định.

c) Thực hiện việc theo dõi, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh triển khai, hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp Sở Tài chính báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

3. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và pháp luật có liên quan.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với nguồn kinh phí ngân sách tỉnh giao cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ dịch vụ việc làm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở; Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- VP.Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thu Ánh